TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 67/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09/3/2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Việt Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;

2. Bà Nguyễn Thị Lợi.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quang Khải- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Kim Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A mở phiên toà xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 539/2022/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2023/QĐHPT – HNGĐ ngày 23/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Quách Thị Ngọc H, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 11, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Ông Đ có mặt; bà H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai ông Nguyễn Thanh Đ, trình bày: Hôn nhân của ông với bà H là do tự tìm hiểu, yêu thương, tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Cuộc sống hôn nhân lúc đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân giữa ông và bà H bắt đầu quan điểm, thường xuyên cãi nhau, bà H không chăm lo cho ông khi bệnh, xúc phạm mẹ ruột ông trước mặt ông. Hiện ông và bà H đã đã ly thân từ tháng 3/2022 cho đến nay. Nhận thấy ông với bà H đã không còn tình cảm và không thể sống chung, vì vậy ông yêu cầu xin ly hôn.

Về con chung: Ông với bà H có 02 con chung: 01/ Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 02/7/2012; 02/ Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17/6/2019. Hiện con chung đang sống với ông. Khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy hai con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ ông Đ cung cấp cho Tòa án được công bố trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; giấy khai sinh (02 bản); sổ hộ khẩu gia đình và chứng minh nhân dân (tất cả là bản sao).

Bà Quách Thị Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Bà thống nhất lời trình bày của ông Đ về điều kiện đi đến hôn nhân, thời gian sống chung vợ chồng, bà và ông Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hội Đông. Bà H không đồng ý ly hôn với ông Đ bởi còn thương chồng và con còn nhỏ, theo bà thì vợ chồng không mâu thuẫn gì, từ tháng 5/2022 thì bà đi làm thuê tại Bình Dương, khi đi thì cũng được chồng và mẹ chồng đồng ý, do đó yêu cầu được đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Bà và ông Đ có 02 con chung: 01/ Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 02/7/2012; 02/ Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17/6/2019. Nếu thực sự phải ly hôn, bà yêu cầu nuôi hai con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến Hnh xác minh, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án: Theo biên bản xác minh ngày 10/01/2023, bà Võ Thị H – mẹ ruột ông Đ, bà Hằng thống nhất điều kiện đi đến hôn nhân, thời gian sống chung, con chung như ông Đ, bà H trình bày. Về mâu thuẫn giữa ông Đ và bà H, bà Hằng xác định bà H đi làm trên Bình Dương, khi về thì vẫn sống chung cùng Đ và bà trong một nH, bà nhiều lần khuyên hai con Hn gắn gì con cái của chúng còn nhỏ. Biên bản cùng ngày 10/01/2023 bà Nguyễn Thị Cẩm Loan – chị ruột ông Đ xác định Đ và H vẫn còn sống chung nH với bà Hằng.

Tại phiên toà, ông Đ trình bày: Ông yêu cầu xin ly hôn với lý do bà H, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên không thể tiếp tục sống chung.

Bà H có đơn xin vắng mặt.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tHnh phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Ông Đ yêu cầu ly hôn, bà H không đồng ý ly hôn với ông Đ. Bà H vẫn còn sống chung với ông Đ. Bà Võ Thị Hằng (mẹ ông Đ) và bà Nguyễn thị Cẩm Loan (chị ông Đ) xác nhận bà có đứng ra khuyên ngăn nhưng ông Đ không nghe lời, cũng mong cho ông Đ và bà H hàn gắn để chăm lo con cái, hiện hai đứa cũng đang sống chung. Ông Đ đưa ra lý do giữa ông và bà H mâu thuẫn trầm trọng không thể sống chung, nhưng không đưa ra chứng cứ thuyết phục. Việc ông Đ không chứng minh được mâu thuẫn nào khác giữa vợ chồng, do đó không có căn cứ xem xét yêu cầu ly hôn của ông Đ.

Về con chung: Ông Đ và bà H có 02 con chung: 01/ Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 02/7/2012; 02/ Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17/6/2019. Ông Đ, bà H yêu cầu được nuôi 02 con chung. Tại phiên tòa ông Đ không chứng minh được mâu thuẫn nghiêm trọng dẫn đến ly hôn nên xét nghĩ vợ chồng ông Đ, bà H nên suy nghĩ Hn gắn để tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần cho các con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Hôn nhân giữa ông Nguyễn Thanh Đ và bà Quách Thị Ngọc H tự tìm hiểu, yêu thương, có tổ chức lễ cưới; có đăng ký kết hôn tại thị Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hội Đông, huyện A, tỉnh An Giang vào ngày 26/12/2011, là hôn nhân hợp pháp; các đương sự đều cư trú trên địa bàn huyện A, nên yêu cầu xin ly hôn của ông Đ được tòa án thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến Hnh xét xử vắng mặt bà H theo quy định pháp luật.

[2] *Về hôn nhân*: Ông Đ cho rằng bà H không chăm lo cho ông khi ông bị bệnh, xúc phạm mẹ ruột ông, hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, đã ly thân từ tháng 3/2022 cho đến nay, do đó yêu cầu xin ly hôn. Tuy nhiên, bà H cho rằng mình và ông Đ không hề ly thân, việc bà H đi Bình Dương làm thì cũng được mẹ chồng và chồng đồng ý, khi làm về thì vẫn sống chung nH mẹ chồng, cùng ông Đ chăm lo con chung. Điều này là phù hợp với lời trình bày của bà Hằng, bà Loan – mẹ ruột, chị ruột ông Đ tại biên bản làm việc cùng ngày 10/01/2023.

Tại các biên bản hòa giải của Tòa án cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận thấy chưa đủ căn cứ thể hiện hôn nhân giữa ông Đ và bà H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Lý do ông Đ yêu cầu xin ly hôn là mâu thuẫn chưa chính đáng, chưa trầm trọng, chưa phù hợp với hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2000/NQ- HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn và áp dụng một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, bởi theo lời trình bày của hai bên thì ông Đ, bà H vẫn còn sống chung khi bà H đi làm Bình Dương về, vẫn chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chăm lo con cái; ông Đ, bà H đều không có Hnh vi thường xuyên đánh đập, Hnh hạ xúc phạm danh dự, uy tính nhau; theo chứng cứ và lời trình bày trong hồ sơ vụ án thì mặc dù thể hiện bà H ghen tuông do nghi ngờ ông Đ có người phụ nữ khác, điều này không được ông Đ thừa nhận, do đó việc nghi ngờ, ghen tuông chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống hôn nhân.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Thanh Đ.

[3] *Về con chung*: Do yêu cầu xin ly hôn của ông Đ không được chấp nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sau khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Đ và bà H đều xác định không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu của ông Đ không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử:

Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Thanh Đ đối với bà Quách Thị Ngọc H.

Ông Nguyễn Thanh Đ có quyền khởi kiện xin ly hôn lại sau 01 (một) năm kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Ông Nguyễn Thanh Đ phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) mà ông Đ đã nộp tại Chi cục Thi Hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 0007985 ngày 21/12/2022.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/3/2023), ông Đ, có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bà H là 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(*Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự).*

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh AG);*
- *VKS tỉnh AG;*
- *VKS huyện AP;*
- *THADS huyện AP;*
- *UBND xã V;*
- *Các đương sự);*
- *Lưu VP);*
- *Lưu HS).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Việt Quốc